TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 8 – 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Tòng.

2. Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thái Thị Ngọc D**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Liên hệ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lâm Hùng C**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị **Thái Thị Thu T**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bà **Đoàn Thị T1**, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3. **Công ty T3 (VPB SMBC FC)**. Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà R, số I Đ, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty T3 (VPB SMBC FC): Bà Lương Hoàng Y, chức vụ: Trưởng phòng Hỗ trợ Pháp Lý Xử Lý Tín Dụng. Địa chỉ: Tầng D,

Tòa nhà F, số A C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Thái Thị Ngọc D trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Thái Thị Ngọc D và anh Lâm Hùng C tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 23-6-2015. Trong thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vả do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ tháng 9 năm 2022. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lâm Ngọc H, sinh ngày 22-3-2016 và cháu Lâm Cát T2, sinh ngày 20-11-2019. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với chị D.

Nay nguyên đơn chị Thái Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Hùng C.

- Về con chung: Yêu cầu giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của anh Lâm Hùng C về tài sản chung, nợ chung:

- Số vàng gồm 1,7 cây vàng 18K và 2,5 chỉ vàng 9999 và số tiền vợ chồng cho bà Đoàn Thị T1 vay 40.000.000 đồng chưa trả, chị D khẳng định là không có các tài sản và công nợ này, nếu anh C cho rằng có thì yêu cầu anh C phải cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

- Nợ vay của Công ty T3, chị D cho rằng khoản nợ này là do tự anh C vay và ký kết hợp đồng nên chị không hay biết, anh C không có nói cho chị biết và chị cũng không thấy anh C mang tiền về nhà dùng cho việc gì của gia đình.

Bị đơn anh Lâm Hùng C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Thái Thị Ngọc D về quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Nay vợ chồng đã không còn ở chung với nhau, tình cảm không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Thái Thị Ngọc D.

- Về con chung: Anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Lâm Ngọc H sinh ngày 22-3-2016 và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý giao con chung là cháu Lâm Cát T2, sinh ngày 20-11-2019 cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh yêu cầu chia đôi giá trị tài sản 1,7 cây vàng loại 18K và 2,5 chỉ vàng loại 9999, anh yêu cầu được nhận toàn bộ số vàng này và hoàn trả

lại giá trị chênh lệch cho chị D; Anh yêu cầu giải quyết chia đôi số tiền anh và chị D cho vay là 40.000.000 đồng, mỗi người 20.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Anh yêu cầu giải quyết nợ chung giữa anh và chị D, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán ½ khoản nợ với số tiền là 36.215.753 đồng cho Công ty T3 (VPB FC).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị Thu T trình bày:

Chị Thái Thị Thu T là em ruột của chị Thái Thị Ngọc D. Trong vụ án này, anh Lâm Hùng C cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh C, chị D có cho bà Đoàn Thị T1 vay 40.000.000 đồng thông qua tài khoản ngân hàng của chị là hoàn toàn không có. Trước đây, chị T có sở hữu tài khoản ngân hàng số 0111000225679, mở tại Ngân hàng TMCP N (V) Chi nhánh C1, nhưng số tài khoản này đã bị hủy bỏ. Hiện tại, chị T chỉ còn sử dụng 02 tài khoản V là số 9703555889 và số 1045390061. Việc anh C cho rằng số tài khoản V của chị do mẹ của chị là bà Đoàn Thị T1 toàn quyền sử dụng là hoàn toàn không đúng sự thật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T1 trình bày:

Bà Đoàn Thị T1 là mẹ ruột của chị Thái Thị Ngọc D. Sự việc anh C cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh C, chị D có cho bà vay 40.000.000 đồng thông qua tài khoản ngân hàng của chị Thái Thị Thu T là không có. Mặc dù là mẹ con nhưng chuyện tiền bạc của vợ chồng D, C như thế nào bà hoàn toàn không biết, không có hỏi tới mà cũng không có mượn của đứa nào. Vào khoảng năm 2023, chị D dẫn 02 con về ở chung với bà thì bà mới biết hai vợ chồng mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau. Riêng số tiền nợ anh C cho rằng bà vay của vợ chồng 40.000.000 đồng là hoàn toàn không có nên bà không đồng ý với yêu cầu của anh C.

Tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 12-7-2024, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T3, chị Lương Hoàng Y xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì thêm.

Tại Tờ nguyện vọng ngày 01-3-2024, cháu Lâm Ngọc H có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn thay đổi ý kiến đối với vấn đề nuôi dưỡng con chung, bị đơn đồng ý giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thái Thị Ngọc D và anh Lâm

Hùng C được ly hôn.

- Về con chung, giao 02 con chung là Lâm Ngọc H và Lâm Cát T2 cho chị Thái Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Lâm Hùng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được phép cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con, không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung: Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh Lâm Hùng C về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là 1,7 cây vàng 18K và 2,5 chỉ vàng 9999; quyền đòi nợ đối với số tiền nợ mà vợ chồng cho bà Đoàn Thị T1 vay 40.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết nghĩa vụ trả nợ của anh Lâm Hùng C, chị Thái Thị Ngọc D đối với Công ty T3 (VPB SMBC FC) trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giải quyết cho ly hôn; giải quyết vấn đề con chung. Đồng thời, bị đơn có yêu cầu phản tố về việc giải quyết vấn đề phân chia tài sản chung của vợ chồng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty T3 (VPB SMBC FC) vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T3 (VPB SMBC FC).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn: Nguyên đơn chị Thái Thị Ngọc D và bị đơn anh Lâm Hùng C đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23-6-2015 nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn với nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn cũng thừa nhận, kể từ tháng 9 năm 2022 thì vợ chồng đã ly thân đến nay, thuộc một trong các trường hợp cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn: Chị D và anh C có 02 con chung là cháu Lâm Ngọc H, sinh ngày 22-3-2016 và cháu Lâm Cát T2, sinh ngày 20-11-2019. Hiện nay các con chung đều đang

sống chung với chị D, điều kiện sống và học tập đã quen thuộc, đảm bảo. Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu H (trên 07 tuổi) có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Tại phiên tòa, anh Lâm Hùng C thống nhất theo nguyện vọng của con, đồng ý giao 02 con cho chị Thái Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy việc tự định đoạt của đương sự về vấn đề con chung như trên là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên quyết định giao cháu Lâm Ngọc H và cháu Lâm Cát T2 cho chị Thái Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lâm Hùng C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về phân chia tài sản chung:

[6] Đối với số vàng gồm 1,7 cây vàng 18K và 2,5 chỉ vàng 9999, bị đơn anh Lâm Hùng C cho rằng đây là tài sản được vợ chồng mua sắm bằng nguồn tiền tích lũy trong thời kỳ hôn nhân. Trong đó, số vàng 18K gồm có 01 bộ vòng, 01 sợi dây chuyền, 01 mặt dây chuyền; số vàng 9999 gồm có 01 chiếc nhẫn. Tuy nhiên, chị Thái Thị Ngọc D không thừa nhận. Anh Lâm Hùng C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh số vàng anh nêu trên là tài sản có thật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đối với số tiền nợ phải thu là 40.000.000 đồng, bị đơn anh Lâm Hùng C cho rằng vào năm 2021, vợ chồng có cho bà Đoàn Thị T1 vay số tiền này thông qua hình thức chuyển khoản. Cụ thể, chị D đã chuyển tiền vào tài khoản do chị Thái Thị Thu T mở tại Ngân hàng TMCP N, nhưng tài khoản này do bà Đoàn Thị T1 toàn quyền quản lý, sử dụng; mục đích chuyển để cho bà Đoàn Thị T1 vay 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị D, chị T và bà T1 đều không thừa nhận sự việc này. Bà Đoàn Thị T1 xác định từ trước đến nay không có vay tiền của chị D và anh C, bà cũng không biết sử dụng tài khoản ngân hàng mà chỉ sử dụng tiền mặt. Anh Lâm Hùng C cho rằng vợ chồng có cho bà T1 vay 40.000.000 đồng nhưng anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh có giao dịch vay tiền, càng không có cơ sở chứng minh bà T1 đã tiếp nhận 40.000.000 đồng của anh thông qua tài khoản ngân hàng mà chị Thái Thị Thu T đứng tên. Do đó, yêu cầu phản tố của anh C về phần này là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[8] Về nợ chung: Bị đơn anh Lâm Hùng C yêu cầu Tòa án giải quyết cho mỗi người có nghĩa vụ thanh toán ½ khoản vay gốc 56.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 23-4-2024, tổng cộng 72.431.507 đồng cho Công ty T3 (VPB SMBC FC). Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 20200111-0002371 ngày 10-01-2020 là hợp đồng vay tín chấp, có lãi và không có tài sản bảo đảm. Tòa án đã đưa VPB SMBC FC vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng VPB SMBC FC không có ý kiến; người đại diện hợp pháp của V1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt mà không có yêu cầu anh C và chị D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa, anh Lâm Hùng C không xác định được chính xác nợ gốc đã vay là bao nhiêu, các khoản lãi trong hạn, quá hạn, phí phát sinh là bao

nhiêu để yêu cầu Tòa án giải quyết và tuyên về nghĩa vụ trả nợ của từng người. Do đó, HĐXX không có cơ sở xem xét, giải quyết nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của anh C, nên dành quyền khởi kiện cho VPB SMBC FC, anh C và chị D bằng vụ án khác nếu các bên có tranh chấp.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do yêu cầu phân chia tài sản chung không được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 45, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Ngọc D và anh Lâm Hùng C được ly hôn.

2. Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Lâm Ngọc H, sinh ngày 22-3-2016 và cháu Lâm Cát T2, sinh ngày 20-11-2019 cho chị Thái Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lâm Hùng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng:

- Không xem xét, giải quyết nghĩa vụ trả nợ của anh Lâm Hùng C, chị Thái Thị Ngọc D đối với Công ty T3 (VPB SMBC FC) trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Lâm Hùng C về việc phân chia tài sản chung đối với số vàng gồm 1,7 cây vàng 18K; 2,5 chỉ vàng 9999 và công nợ phải

thu của bà Đoàn Thị T1 là 40.000.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Thái Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002576 ngày 04-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn anh Lâm Hùng C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp 5.395.163 đồng nên trả lại cho anh Lâm Hùng C số tiền tạm ứng án phí 5.095.163 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005213 ngày 10-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND Phường B, thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thanh Lâm